

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT  
TRIỂN NÔNG THÔN**

**THÔNG TƯ số 102/2001/TT-BNN ngày 26/10/2001 hướng dẫn thực hiện Quyết định số 178/1999/QĐ-TTg ngày 30/8/1999 của Thủ tướng Chính phủ về Quy chế Ghi nhãn hàng hóa lưu thông trong nước và hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu đối với hàng hóa lâm sản, hàng hóa chế biến từ lâm sản, hạt ngũ cốc và hạt nông sản các loại có bao gói.**

Thực hiện Quyết định số 178/1999/QĐ-TTg ngày 30 tháng 8 năm 1999 về việc ghi nhãn hàng hóa lưu thông trong nước và hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu đối với hàng hóa riêng biệt chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã ban hành Thông tư hướng dẫn số 75/2000/TT-BNN-KHCN ngày 17/7/2000.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 304/CP-KTQĐ ngày 18/4/2001 về việc ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện Quy chế Ghi nhãn hàng hóa, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn việc ghi nhãn đối với hàng hóa lâm sản, hàng hóa chế biến từ lâm sản, hạt ngũ cốc và hạt nông sản các loại có bao gói.

## I. QUY ĐỊNH CHUNG

### 1. Phạm vi áp dụng:

Các hàng hóa lâm sản, hàng hóa chế biến từ lâm sản, hạt ngũ cốc và hạt nông sản các loại có bao gói được sản xuất tại Việt Nam để tiêu thụ trong nước và xuất khẩu, hàng hóa được nhập khẩu để tiêu thụ tại thị trường Việt Nam (trừ

hàng hóa tạm nhập tái xuất hoặc hàng hóa gia công cho nước ngoài) đều phải có nhãn hàng hóa và thực hiện việc ghi nhãn theo quy định tại Quyết định số 178/1999/QĐ-TTg ngày 30 tháng 8 năm 1999 của Thủ tướng Chính phủ về Quy chế Ghi nhãn hàng hóa lưu thông trong nước và hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu và Thông tư số 34/1999/TT-BTM ngày 15 tháng 12 năm 1999 của Bộ Thương mại hướng dẫn thực hiện Quyết định số 178/1999/QĐ-TTg và hướng dẫn tại Thông tư này.

**2. Hàng hóa quy định trong Thông tư này bao gồm:**

a) Hàng hóa lâm sản và hàng hóa chế biến từ lâm sản:

- Hàng hóa lâm sản đã qua chế biến làm nguyên liệu như: các loại ván nhân tạo (ván dăm, ván sợi, ván dán, ván ghép thanh,...) để lưu thông trong nước và xuất khẩu, nhập khẩu;

- Gỗ xẻ các loại (ở dạng hộp, thanh), ván mỏng, gỗ lạng, gỗ bóc... để xuất khẩu, nhập khẩu;

- Hàng hóa là sản phẩm hoàn chỉnh hoặc chi tiết sản phẩm được chế biến từ gỗ và lâm sản ngoài gỗ (tre, trúc, song, mây,...) như: đồ mộc dân dụng, mộc xây dựng, mộc nội và ngoại thất, sản phẩm chuyên dụng (thể thao, y tế, dạy học, đồ chơi...), hàng mỹ nghệ;

- Hàng hóa lâm sản ngoài gỗ dưới dạng tươi, khô, đã qua và chưa qua chế biến nhưng có bao gói: thân, cành, lá, gốc, rễ, củ, hoa, quả, hạt, vỏ, dầu, nhựa cây, tinh dầu.

b) Hàng hóa là hạt ngũ cốc và hạt nông sản các loại gồm: thóc, ngô, lúa mỳ, cao lương, đại mạch, đậu đỗ các loại, vừng,... chưa qua chế biến có bao gói và không dùng để làm giống.

### 3. Cách ghi nhãn:

a) Đối với hàng hóa có bao bì đóng gói, việc ghi nhãn hàng hóa được thực hiện bằng cách ghi trực tiếp trên bao bì hoặc thể hiện bằng bản ghi, sau đó được gắn, cài, dính chắc vào bao bì;

b) Đối với hàng hóa không có bao bì đóng gói,

việc ghi nhãn hàng hóa được thực hiện bằng cách gài trực tiếp vào sản phẩm hoặc đính kèm theo hàng hóa hoặc ghi vào phiếu riêng để chuyển cho khách hàng.

## II. NỘI DUNG GHI NHÃN

### 1. Hàng hóa lâm sản và hàng hóa chế biến từ lâm sản:

#### a) Tên hàng hóa:

- Được ghi theo tên thông dụng;

- Tên hàng hóa được phép ghi kết hợp với hình dạng, công dụng, kích thước, tên nguyên liệu, xuất xứ, thương hiệu (nếu có) của hàng hóa. Ví dụ: gỗ lim, gỗ thông, bàn học sinh 1,2 m; làn mây, nhựa thông, tủ gỗ lim, tủ gỗ thông, tủ gỗ lim Thanh Hóa....

b) Tên, địa chỉ của tổ chức và cá nhân, sau đây gọi tắt là thương nhân chịu trách nhiệm về hàng hóa:

- Trường hợp thương nhân là người trực tiếp khai thác và bán lâm sản ra thị trường, thương nhân kinh doanh lâm sản hàng hóa, lâm sản chưa qua chế biến, thương nhân là cơ sở chế biến kinh doanh hàng hóa chế biến từ lâm sản kể cả sơ chế và chế biến thành sản phẩm cuối cùng phục vụ tiêu dùng thì ghi tên, địa chỉ của cơ sở mình;

- Nếu lâm sản hàng hóa và hàng hóa chế biến từ lâm sản nhập khẩu hoặc đại lý bán hàng cho thương nhân nước ngoài thì ghi tên thương nhân nhập khẩu hoặc tên thương nhân đại lý bán hàng.

#### c) Định lượng hàng hóa:

- Đối với hàng hóa lâm sản đã qua chế biến để làm nguyên liệu ghi số đo chiều dài nhân chiều rộng nhân chiều dày và được tính bằng mét, centimét hoặc milimét; nếu hàng hóa được đóng theo lô hoặc theo kiện thì ghi thêm m<sup>3</sup> hoặc m<sup>2</sup> theo từng lô hoặc kiện hàng;

- Hàng hóa là sản phẩm hoàn chỉnh hoặc chi tiết sản phẩm chế biến từ gỗ, lâm sản ngoài gỗ

định lượng hàng hóa là chiếc hoặc bộ tùy theo loại hàng hóa. Đối với sản phẩm hoàn chỉnh thì ghi kích thước chiều dài nhân chiều rộng nhân chiều cao; đối với chi tiết sản phẩm thì ghi kích thước chiều dài nhân chiều rộng nhân chiều dày;

- Lâm sản ngoài gỗ (thân, cành, lá, củ, rễ, hoa, quả, hạt, vỏ, dầu, nhựa,...) ghi theo hướng dẫn tại Thông tư số 34/1999/TT-BTM ngày 15/12/1999 của Bộ Thương mại.

#### d) Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu:

- Hàng hóa là gỗ xẻ nếu cùng một loài cây thì ghi tên loài, nếu từ nhiều loài cây thì ghi theo nhóm gỗ;

- Hàng hóa chế biến từ lâm sản ngoài gỗ, các loại ván nhân tạo, đồ mộc dân dụng, mộc xây dựng, đồ dùng làm từ song, mây, tre, trúc,... ghi chỉ tiêu chất lượng hàng hóa: loại I, II, III, IV hoặc A, B, C, D nếu hàng hóa đó có chỉ tiêu phân loại. Riêng đồ mộc dân dụng sản xuất từ gỗ ngoài việc ghi loại (I, II, III, IV hoặc A, B, C, D) cần ghi thêm tên gỗ sản xuất ra đồ dùng đó.

e) Ngày sản xuất, thời hạn sử dụng, thời hạn bảo quản:

- Hàng hóa lâm sản là ván nhân tạo, đồ mộc dân dụng, mộc xây dựng, đồ dùng làm từ tre, trúc, song, mây, ... thì ghi tháng và năm sản xuất (trừ hàng hóa là lâm sản ngoài gỗ);

- Hàng hóa lâm sản ngoài gỗ dưới các dạng tươi, khô, sơ chế và chế biến ghi rõ ngày, tháng và năm khai thác hoặc sản xuất. Đối với hàng hóa có thời hạn sử dụng phải ghi thời hạn sử dụng. Đối với hàng hóa cần bảo quản thì ghi rõ điều kiện bảo quản.

#### f) Xuất xứ của hàng hóa:

- Nếu lâm sản và hàng hóa chế biến từ lâm sản nhập khẩu thì ghi nước xuất khẩu, ví dụ: gỗ Cao su Campuchia;

- Đối với lâm sản ngoài gỗ chỉ ghi địa chỉ cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi khai thác. Ví dụ: Quế Yên Bái;

- Đối với lâm sản hàng hóa và hàng hóa chế biến từ lâm sản để xuất khẩu hoặc nhập khẩu tiêu thụ tại thị trường Việt Nam phải ghi xuất xứ. Trường hợp khách hàng nước ngoài có yêu cầu không ghi xuất xứ đối với hàng hóa của Việt Nam xuất khẩu thì được miễn ghi đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2002.

## 2. Đối với hạt ngũ cốc và hạt nông sản các loại có bao gói:

### a) Tên hàng hóa:

- Ghi rõ tên ngũ cốc, nông sản kết hợp với màu sắc, xuất xứ (nếu có). Ví dụ: thóc CR 203, thóc Sán Ưu 63, ngô lai LVN10, lạc sen;

- Đối với các loại hạt ngũ cốc, hạt nông sản khác là đặc sản có thể ghi liền với tên địa phương sản xuất ra hàng hóa đó thì ghi tên hàng hóa trước và tên địa phương sau, giữa tên hàng hóa và tên địa phương có dấu gạch ngang. Ví dụ: Thóc tám thơm - Hải Hậu, lạc sen - Nghệ An;

- Đối với các loại hạt ngũ cốc là hàng hóa đặc biệt hoặc đặc thù thì ghi tên hàng hóa đặc biệt hoặc đặc thù trước và ký hiệu của giống sản xuất ra hàng hóa đó sau, giữa tên và ký hiệu có dấu gạch ngang. Ví dụ: Ngô giàu đạm - HQ2000, thóc Protein cao - P6.

### b) Tên và địa chỉ của thương nhân chịu trách nhiệm về hàng hóa:

- Nếu thương nhân sản xuất hạt ngũ cốc, hạt nông sản và trực tiếp bán, thương nhân kinh doanh dịch vụ thì ghi tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân của mình;

- Nếu ngũ cốc là hàng hóa nhập khẩu hoặc đại lý bán hàng cho thương nhân nước ngoài thì tên thương nhân chịu trách nhiệm về hàng hóa là tên thương nhân nhập khẩu hoặc tên thương nhân đại lý bán hàng.

### c) Định lượng hàng hóa:

Hạt ngũ cốc, hạt nông sản các loại có bao gói ghi định lượng hàng hóa là khối lượng tịnh và đơn vị đo lường là kilôgam (kg) hoặc gram (g).

### d) Chỉ tiêu chất lượng:

- Đối với hạt ngũ cốc và hạt nông sản các loại có bao gói ghi chỉ tiêu chất lượng căn cứ vào phân loại chất lượng I, II, III (nếu có) kèm theo chỉ tiêu chất lượng chính. Ví dụ: Ngô loại I;

- Đối với hạt ngũ cốc và hạt nông sản khác có chuyển gen, phải ghi dòng chữ "sản phẩm có chuyển gen" để người tiêu dùng lựa chọn.

### e) Ngày sản xuất, thời hạn sử dụng, phương thức bảo quản:

- Ngày sản xuất: Trên bao bì ghi rõ tháng, năm thu hoạch sản phẩm hàng hóa. Ví dụ: Sản xuất 10/2001;

- Thời hạn sử dụng: Ghi rõ ngày, tháng, năm giới hạn sử dụng;

- Phương thức bảo quản: Ghi các điều kiện bảo quản.

### f) Mục đích sử dụng:

Trên bao bì phải ghi rõ mục đích sử dụng là hạt thương phẩm, không dùng để làm giống.

### g) Xuất xứ của hàng hóa:

Nếu hàng hóa xuất khẩu hoặc nhập khẩu để tiêu thụ tại thị trường Việt Nam phải ghi xuất xứ. Trường hợp khách hàng nước ngoài có yêu cầu không ghi xuất xứ đối với hàng hóa của Việt Nam xuất khẩu thì được miễn ghi đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2002.

## III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Thương nhân sản xuất hàng hóa lâm sản và hàng hóa chế biến từ lâm sản, hạt ngũ cốc, hạt nông sản khác có bao gói hiện đang có các loại nhãn hàng hóa được phép lưu thông và sử dụng tại Việt Nam có trách nhiệm rà soát lại việc ghi nhãn sản phẩm của mình theo Quyết định số 178/1999/QĐ-TTg ngày 30 tháng 8 năm 1999 và Chỉ thị số 28/2000/CT-TTg ngày 27 tháng 12 năm 2000 của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư

số 34/1999/TT-BTM ngày 15 tháng 12 năm 1999 của Bộ Thương mại và Thông tư này.

Thương nhân hoạt động nhập khẩu lâm sản và hàng hóa chế biến từ lâm sản, hạt ngũ cốc và hạt nông sản khác có bao gói từ nước ngoài cần thông báo với nhà cung cấp về các nội dung bắt buộc phải ghi trên nhãn sản phẩm hàng hóa nhập khẩu để thống nhất biện pháp thực hiện.

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 1 năm 2002.

Những quy định trước đây về ghi nhãn hàng hóa đối với lâm sản, hàng hóa chế biến từ lâm sản, hạt ngũ cốc và hạt nông sản có bao gói trái với Thông tư này đều bãi bỏ.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc cần gửi ý kiến kịp thời về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

KT. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và  
Phát triển nông thôn  
*Thứ trưởng*

NGUYỄN VĂN ĐĂNG

**BỘ TÀI CHÍNH**

**QUYẾT ĐỊNH số 105/2001/QĐ-BTC**  
ngày 10/10/2001 về việc sửa đổi,  
bổ sung tên và thuế suất của mặt  
hàng thuộc nhóm 2710 trong Biểu  
thuế thuế nhập khẩu ưu đãi.

**BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH**

*Căn cứ Nghị định số 15/CP ngày 02/3/1993 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ, cơ quan ngang Bộ;*

*Căn cứ Nghị định số 178/CP ngày 28/10/1994 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy Bộ Tài chính;*

*Căn cứ khung thuế suất quy định tại Biểu thuế nhập khẩu theo Danh mục Nhóm hàng chịu thuế ban hành kèm theo Nghị quyết số 63/NQ-UBTVQH10 ngày 10/10/1998 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa X;*

*Căn cứ Điều 1 Nghị định số 94/1998/NĐ-CP ngày 17/11/1998 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 04/1998/QH10 ngày 20/5/1998;*

*Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế,*

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Sửa đổi mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi của một số mặt hàng thuộc nhóm 2710 quy định tại Quyết định số 83/2001/QĐ-BTC ngày 30/8/2001 của Bộ trưởng Bộ Tài chính thành mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi mới như sau:

Mã số		Mô tả nhóm, mặt hàng	Thuế suất (%)
Nhóm	Phân nhóm		
2710		Dầu mỏ và các loại dầu thu được từ các khoáng chất chứa bi-tum, trừ dạng thô; các chế phẩm chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác có tỷ trọng dầu mỏ và các loại dầu thu được từ các khoáng chất chứa bi-tum chiếm từ 70% trở lên, những loại dầu này là thành phần cơ bản của các chế phẩm đó.	